

Số: /BC-CCKL

Bình Định, ngày tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ 2026 - 2030

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT tại: Văn bản số 3741/SNN-KHTH ngày 31/10/2024 về việc góp ý dự thảo báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại giai đoạn 2021 - 2025 và nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2026 - 2030; văn bản số 3681/SNN-KHTH ngày 25/10/2024 về việc tiếp tục hoàn thiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và nội dung phục vụ Báo cáo Chính trị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XX và Quyết định số 3333/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bình Định, Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo kết quả thực hiện đối với lĩnh vực lâm nghiệp, như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XX ĐẢNG BỘ TỈNH, NHIỆM KỲ 2020 – 2025

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ

Đề góp phần đạt mức tăng trưởng GRDP của Nông, lâm, thủy sản đến năm 2025 tăng 3,2 - 3,6%, các kết quả đạt được giai đoạn 2021 - 2025 của lĩnh vực lâm nghiệp (các số liệu tính đến năm 2024; ước thực hiện năm 2025), như sau:

1. Diện tích trồng rừng tập trung: 51,509 nghìn ha/kế hoạch 40,0 nghìn ha, đạt 128,77 % kế hoạch, trong đó, diện tích trồng rừng gỗ lớn đến năm 2025 là 10,2 nghìn ha, đạt 102% kế hoạch trồng rừng gỗ lớn. Diện tích trồng rừng gỗ lớn 10,2 nghìn ha, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH LN Hà Thanh: 1.917,0 ha.
- Công ty TNHH LN Quy Nhơn: 818,0 ha.

- Công ty TNHH LN Sông Kôn: 754,7 ha.
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh: 150 ha.
- Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn: 3.208,7 ha
- Xí nghiệp lâm nghiệp PISICO: 182 ha.
- Công ty CP Năng lượng SH Phú Tài: 3.016,77 ha.
- Các hộ dân: 152,83 ha.

2. Sản lượng gỗ khai thác: 5,645 triệu m³/kế hoạch 4,0 triệu m³, đạt 141,13% kế hoạch.

3. Khoán bảo vệ rừng: 619,06 nghìn lượt ha/kế hoạch 608,236 nghìn lượt ha, đạt 101,78% kế hoạch.

4. Sản xuất cây giống: 1.000 triệu cây/kế hoạch 1.000 triệu cây, đạt 100% kế hoạch.

(Chi tiết kết quả thực hiện từng năm theo Phụ lục I kèm theo)

II. CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp của các Sở, ngành, địa phương và các chủ rừng, công tác bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên được thực hiện tốt, góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh từ 56,03% (năm 2020) lên 57,32% (năm 2023). Lực lượng kiểm lâm, chủ rừng và các đơn vị ở địa phương tăng cường tổ chức tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng; tổ chức lực lượng chốt chặn các điểm trọng yếu để ngăn chặn tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản; phối hợp kiểm tra, ngăn chặn việc phá rừng, khai thác rừng, lấn, chiếm rừng trái pháp luật, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Ước đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt 58%, đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

(Chi tiết kết quả thực hiện từng năm theo Phụ lục II kèm theo)

III. THỰC HIỆN CÁC TRỤ CỘT TĂNG TRƯỞNG

Thực hiện trụ cột tăng trưởng của phát triển nông, lâm nghiệp - thuỷ sản dựa trên công nghệ cao, chuyển từ số lượng sang chất lượng theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, lĩnh vực lâm nghiệp đã đạt được các kết quả như sau:

1. Năng suất, chất lượng, giá trị rừng trồng ngày càng được nâng cao

a) Người trồng rừng trên địa bàn tỉnh, không còn trồng rừng theo hình thức quảng canh mà đã chuyển sang trồng rừng thâm canh, trồng rừng bằng cây giống có nguồn gốc rõ ràng, một số đơn vị trồng rừng bằng cây nuôi cấy mô nên chất lượng và năng suất rừng trồng ngày càng được nâng cao. Năng suất rừng trồng bình quân năm 2020 là 20 m³/ha/năm, đến nay là 22 m³/ha/năm; đối với rừng trồng sản xuất cây gỗ lớn, năng suất bình quân đạt tới 25 m³/ha/năm.

b) Tỉnh đã chú trọng chuyển từ trồng rừng kinh doanh gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn và khuyến khích người trồng rừng xây dựng chứng chỉ quản lý rừng

bền vững (FSC). Diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC, đến nay là 12.175,9 ha. Trong đó: Diện tích rừng tự nhiên 1.450,0 ha, diện tích khoanh nuôi tái sinh 217,0 ha, diện tích rừng trồng: 10.508,9 ha. Diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC là 10.508,9 ha, cụ thể:

- Công ty TNHH LN Sông Kôn: 1.284,7 ha.
- Công ty TNHH LN Hà Thanh: 2.563,55 ha.
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn: 2.614,93 ha.
- Công ty Cổ phần năng lượng sinh học Phú Tài: 3.053,22 ha.
- Công ty TNHH Năng lượng sinh học Tín Nhân: 992,5 ha.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã cho chủ trương, cho phép Công ty TNHH lâm nghiệp Thiện Hoàng được triển khai dự án trồng rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC_FM và VFCS/PEFC, dựa trên mô hình nhóm liên kết, nhằm tăng thu nhập cho người dân trồng rừng trên địa bàn các huyện Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ và Thị xã An Nhơn, diện tích dự kiến 1.940 ha.

2. Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực trong lâm nghiệp

a) Trong công tác sản xuất cây giống phục vụ trồng rừng

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh, có 03 đơn vị đang ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất cây nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống lâm nghiệp, công suất sản xuất 32 triệu cây giống/năm, bao gồm: 01 đơn vị nhà nước (*Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn*) và 02 đơn vị tư nhân (*Công ty TNHH Vũ Hà và Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ cây trồng Nguyễn Hạnh*); cụ thể như sau:

+ Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn có diện tích nhà nuôi cấy mô 500 m², công suất sản xuất 10 triệu cây giống/năm; loài cây sản xuất: cây Keo lai dòng AH1, BV32, BV33, BV73 và Bạch đàn dòng UP35, UP54, UP99; bình giống gốc chuyển giao từ Viện nghiên cứu giống và công nghệ sinh học lâm nghiệp.

+ Công ty TNHH Vũ Hà có diện tích nhà nuôi cấy mô 1.200 m², công suất sản xuất 12 triệu cây giống/năm; loài cây sản xuất: cây Keo lai dòng BV10, BV16, BV32, BV33, AH1, AH7 và Bạch đàn dòng U6; bình giống gốc chuyển giao từ Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy.

+ Doanh nghiệp Tư nhân dịch vụ cây trồng Nguyễn Hạnh có diện tích nhà nuôi cấy mô 1.500 m², công suất sản xuất 10 triệu cây giống/năm; loài cây sản xuất: cây Keo lai dòng AH1, BV10, BV16, BV32, BV33, BV71, BV73, BV75 và Bạch đàn U6, bình giống gốc chuyển giao từ Viện cải thiện giống và phát triển lâm sản, Trung tâm nghiên cứu giống cây rừng thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

- Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn đã phối hợp với Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam nghiên cứu, khảo nghiệm và được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận 10 giống Keo lai và 2 giống Keo lá tràm có năng suất cao và chất lượng tốt phục vụ

trồng rừng ở vùng Nam Trung Bộ, đây là những giống sinh trưởng nhanh, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu gió bão để phục vụ trồng rừng gỗ lớn vùng Nam Trung Bộ.

b) Lực lượng kiểm lâm và các chủ rừng đã ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ viễn thám, công nghệ số: theo dõi, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, cụ thể như:

- Ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý (GIS) theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và cảnh báo nguy cơ cháy rừng, cụ thể:

+ Chi cục Kiểm lâm ứng dụng phần mềm Mapinfor, phần mềm QGis để theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp; các dữ liệu về tài nguyên rừng, đất rừng được số hóa; xây dựng cơ sở dữ liệu và biên tập bản đồ trên nền dữ liệu các lô rừng quản lý và các lô rừng biến động do các nguyên nhân như cháy rừng, phá rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, trồng mới, khai thác, sâu bệnh,...

+ Ứng dụng công nghệ viễn thám: Chi cục Kiểm lâm ứng dụng phần mềm Vtools mapinfo, Google Earth,... để phục vụ công tác theo dõi hiện trạng rừng, giúp thu thập dữ liệu hình ảnh nhanh, kịp thời đối chiếu giữa bản đồ hiện trạng rừng với ảnh vệ tinh tại thời điểm cập nhật để phát hiện sớm các biến động về diện tích, hiện trạng thay đổi rừng để kịp thời tổ chức kiểm tra, xác minh ngoài hiện trường, cập nhật theo quy định.

+ Ngoài ra, lực lượng kiểm lâm tỉnh còn tìm hiểu, nghiên cứu các phần mềm GIS có liên quan để phục vụ công tác, trong đó các phần mềm, ứng dụng trên máy vi tính như: Mapsource, Mapinfo, Global Mapper, Google Earth, FME,...; các ứng dụng trên điện thoại: GPS Kit, Igeotrans X, Google Earth, Locus Map Free, MAPinr, SW Maps, Tọa độ VN,... Việc sử dụng các ứng dụng đã hỗ trợ rất tốt cho lực lượng kiểm lâm trong quá trình tác nghiệp ngoài thực địa, dữ liệu có thể kết xuất chuyển sang sử dụng trên nền các phần mềm GIS trên máy vi tính để phục vụ số hóa, cắt tách diện tích biến động hoặc thống kê số liệu phục vụ công tác, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và công tác theo dõi, cập nhật diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để phát hiện sớm các điểm cháy rừng: Hiện nay lực lượng kiểm lâm đang ứng dụng phần mềm cảnh báo cháy rừng trên hệ thống thông tin cảnh báo cháy sớm tại địa chỉ Website: <http://kiemlam.org.vn> hoặc <http://kiemlambinhding.snnptnt.binhding.gov.vn> để phát hiện sớm các điểm cháy rừng, góp phần tổ chức triển khai chữa cháy kịp thời, giảm đáng kể thiệt hại do cháy rừng gây ra.

- Ứng dụng phần mềm thống kê các vụ vi phạm pháp luật lâm nghiệp: Chi cục Kiểm lâm đã ứng dụng phần mềm thống kê các vụ vi phạm pháp luật lâm nghiệp và triển khai cho các đơn vị trực thuộc thực hiện việc cập nhật đối tượng vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Nhờ ứng dụng phần mềm, công tác xác minh, truy cứu đối tượng vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh được nhanh chóng, kịp thời và chính xác, đảm bảo được

tính hiệu quả trong quá trình đấu tranh, xác minh đối tượng vi phạm, củng cố hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đảm bảo thời hạn theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, lực lượng kiểm lâm tỉnh còn tìm hiểu, nghiên cứu các phần mềm GIS có liên quan (các phần mềm, ứng dụng trên máy vi tính và trên thiết bị di động) để phục vụ công tác. Việc sử dụng các ứng dụng trên điện thoại hỗ trợ rất tốt cho lực lượng kiểm lâm trong quá trình tác nghiệp ngoài thực địa, dữ liệu có thể kết xuất chuyển sang sử dụng trên nền các phần mềm GIS trên máy vi tính để phục vụ số hóa, cắt tách diện tích biến động hoặc thống kê số liệu phục vụ công tác, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và công tác theo dõi, cập nhật diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh.

B. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM

1. Tình trạng vi phạm các quy định về bảo vệ rừng vẫn diễn ra phức tạp, việc chặt phá, khai thác rừng trái phép, cháy rừng, xâm lấn rừng, chống người thi hành công vụ còn xảy ra.

2. Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị cho công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và đầu tư cơ sở hạ tầng lâm nghiệp còn hạn chế và chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

3. Các hoạt động sản xuất lâm nghiệp đã bước đầu thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Tuy nhiên, thu nhập của người lao động từ rừng so với các ngành nghề khác còn thấp nên sự tham gia của người dân trong quá trình phát triển lâm nghiệp còn hạn chế.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp của các Sở, ngành, địa phương và các chủ rừng: Công tác bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên được thực hiện tốt, góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh từ 56,03% (năm 2020) lên 57,32% (năm 2023), ước đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt 58%, đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế được UBND tỉnh giao.

I. NGUYÊN NHÂN ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG THÀNH TỰU

1. Đạt được những kết quả nêu trên là nhờ sự lãnh đạo đúng đắn, chỉ đạo sâu sắc, kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự ủng hộ và giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh; sự quyết liệt, quyết tâm phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các địa phương; sự ủng hộ, tin tưởng của các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; kế thừa những kết quả, kinh nghiệm trong những nhiệm kỳ trước.

2. Việc triển khai quán triệt, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, các nghị quyết, quy định mới của Trung ương; Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm được thực hiện nghiêm túc, kịp thời.

II. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM

1. Khách quan

a) Việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong bối cảnh chịu những tác động tiêu cực, những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thế giới đã tác động mạnh đến các hoạt động sản xuất lâm nghiệp của tỉnh.

b) Cơ sở hạ tầng lâm nghiệp còn hạn chế và chưa đáp ứng được yêu cầu cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

c) Rừng trồng đang bị đe dọa bởi thời tiết cực đoan, như: Nắng nóng kéo dài dễ xảy ra cháy rừng; gió bão gây đổ gãy gây thiệt hại, ...

2. Chủ quan

Một bộ phận người dân địa phương không có việc làm ổn định, đời sống kinh tế khó khăn nên bị các đối tượng đầu nậu lợi dụng, lôi kéo vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

D. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến công tác bảo vệ và phát triển rừng cho nhân dân, nhất là người dân ở các vùng rừng, ven rừng về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; nâng cao nhận thức về phát triển lâm nghiệp bền vững.

2. Khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết hợp tác trong trồng rừng gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ rừng.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030. Do đó, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 phải dựa trên cơ sở đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và phù hợp với mục tiêu Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam, Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

A. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ

Bảo vệ và phát triển bền vững đối với diện tích rừng hiện có và diện tích rừng được tạo mới trong giai đoạn 2021-2025, nhất là diện tích rừng thuộc quy hoạch lâm nghiệp. Nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất. Từ năm 2026, duy trì tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh là 58%, góp phần cải thiện môi trường, cân bằng sinh thái, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, tạo nguồn sinh thủy và bảo tồn tính đa dạng sinh học.

B. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

I. CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ

Đề góp phần đóng góp vào tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương (GRDP) của Nông, lâm, thủy sản, giai đoạn 2026 - 2030 tăng 2,8 - 3,2%, lĩnh vực lâm nghiệp xây dựng các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế như sau:

1. Diện tích trồng rừng tập trung (*trồng lại sau khai thác rừng trồng*): 40,0 nghìn ha (*trung bình trồng 8.000 ha/năm*). Trong đó, phân đầu đến năm 2030, diện tích trồng rừng gỗ lớn cả tỉnh đạt 20,0 nghìn ha.

2. Sản lượng gỗ khai thác: 5,7 triệu m³ (*trung bình khai thác 1,14 triệu m³/năm, trong đó, khai thác từ rừng trồng gỗ lớn chiếm khoảng 5 - 10% sản lượng*).

3. Khoán bảo vệ rừng: 646,48 nghìn lượt ha (*trung bình khoán bảo vệ rừng 129,296 triệu ha/năm*).

4. Sản xuất cây giống: 1.000 triệu cây (*trung bình sản xuất 200,0 triệu cây giống/năm, trong đó, cây giống nuôi cấy mô khoảng 20 - 25 triệu cây/năm*).

(Chi tiết kế hoạch thực hiện từng năm theo Phụ lục I kèm theo)

II. CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG

Duy trì tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh là 58%.

(Chi tiết kế hoạch thực hiện từng năm theo Phụ lục I kèm theo)

C. CÁC TRỤ CỘT TĂNG TRƯỞNG

Phát triển mạnh kinh tế rừng gắn với bảo vệ và phát triển bền vững, khai thác, sử dụng các dịch vụ môi trường rừng một cách hiệu quả, nhất là hình thành bể chứa carbon khu vực và hướng tới thị trường quốc tế tiềm năng. Phát triển diện tích trồng rừng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng theo hướng phát triển bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

D. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Triển khai đồng bộ, có hiệu quả: Kết luận số 61- KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08/3/2024 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 61- KL/TW ngày 17/8/2023, Các Công điện của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai các biện pháp cấp bách PCCCR, ...

2. Triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ rừng, phát triển rừng và PCCCR giai đoạn 2026 - 2025; trong đó, chú trọng công tác phòng, chống cháy rừng, phá rừng, khai thác gỗ trái phép; tăng cường kiểm tra, kiểm soát vận chuyển lâm sản trái phép; xử lý, ngăn chặn kịp thời các đối tượng phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển gỗ trái phép; thực hiện trồng rừng, chăm sóc rừng theo kế hoạch, ...

3. Tiếp tục thực hiện tốt công tác khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên thuộc các chương trình, dự án do Chính phủ phê duyệt giai đoạn 2026 - 2030.

4. Tiếp tục triển khai Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2035. Đẩy mạnh công tác phát triển trồng rừng sản xuất gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ FSC để phục vụ xuất khẩu. Hỗ trợ nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp chế biến gỗ và lâm sản trong việc giải trình gỗ hợp pháp theo quy định của Việt Nam và các cam kết quốc tế của Việt Nam góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất và thương mại gỗ và sản phẩm gỗ bền vững.

5. Đẩy mạnh phát triển sản xuất cây giống lâm nghiệp bằng công nghệ nuôi cấy mô; đưa các giống mới có năng suất, chất lượng cao, chống chịu với sâu, bệnh hại và thích ứng với biến đổi khí hậu vào sản xuất và trồng rừng.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ viễn thám, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong: theo dõi, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; tăng cường năng lực xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về rừng và đất lâm nghiệp của tỉnh.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KH-TH Sở;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Đức Sáu